

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/DS-ST.
Ngày: 29-4-2026.
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Minh.

Ông Đỗ Hữu Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 5 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh, Toà án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 197/2025/TLST-DS, ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Trần Thị B, sinh năm 1939, căn cước công dân số: 080139000199.

Địa chỉ: ấp 5, xã N, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An (nay là ấp 5, xã Th, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị B: ông Phan Đăng K, sinh năm 1988, căn cước công dân số: 082088003107 (Giấy uỷ quyền ngày 10 tháng 4 năm 2025). (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã Th, tỉnh Tây Ninh.

1.2. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1952, căn cước công dân số: 080152001651. (có mặt)

Địa chỉ: ấp 5, xã N, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An (nay là ấp 5, xã T, tỉnh Tây Ninh).

1.3. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1955, căn cước công dân số: 080155001417. (có mặt)

Địa chỉ: tổ 4, ấp 5, xã N, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An (nay là ấp 5, xã T, tỉnh Tây Ninh).

1.4. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1952, căn cước công dân số: 080152001650. (có mặt)

Địa chỉ: ấp 5, xã N, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An (nay là ấp 5, xã T, tỉnh Tây Ninh).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1971, căn cước công dân số: 080171002991. (có mặt)

2.2. Ông Võ Văn K, sinh năm 1965. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 5, Ấp 6, xã N, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An (nay là ấp B, xã Nhựt Tảo, tỉnh Tây Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị B trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà như sau:

- *Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị B trình bày:* Bà B và bà T ở gần nhau, bà T làm chủ hội, bà B có tham gia các dây hội do bà T tổ chức từ năm 2018, đến năm 2024 thì bà T tuyên bố bẻ hội, bà T còn nợ bà B các dây hội như sau:

+ Dây hội 1: Hội 500.000 đồng/phần, 01 tháng khai hội một lần, hội đầu thảo, hội bắt đầu khai vào ngày 05 tháng 01 năm 2023, hội gồm 34 phần, bà B tham gia 01 phần, bà B đóng hội sống được 20 kỳ, đến kỳ hội thứ 21 thì bà T tuyên bố bẻ hội, bà T nợ bà B số tiền là 10.000.000 đồng.

+ Dây hội 2: Hội 500.000 đồng/phần, 01 tháng khai hội một lần, hội đầu thảo, hội bắt đầu khai vào ngày 05 tháng 08 năm 2023, hội gồm 35 phần, bà B tham gia 01 phần, bà B đóng hội sống được 13 kỳ, đến kỳ hội thứ 14 thì bà T tuyên bố bẻ hội, bà T nợ bà B số tiền là 6.500.000 đồng.

+ Dây hội 3: Hội 500.000 đồng/phần, 01 tháng khai hội một lần, hội đầu thảo, hội bắt đầu khai vào ngày 05 tháng 08 năm 2023, hội gồm 35 phần, bà B tham gia 01 phần, bà B đóng hội sống được 13 kỳ, đến kỳ hội thứ 14 thì bà T tuyên bố bẻ hội, bà T nợ bà B số tiền là 6.500.000 đồng.

+ Dây hội 4: Hội 500.000 đồng/phần, 01 tháng khai hội một lần, hội đầu thảo, hội bắt đầu khai vào ngày 05 tháng 08 năm 2023, hội gồm 35 phần, bà B tham gia 01 phần, bà B đóng hội sống được 13 kỳ, đến kỳ hội thứ 14 thì bà T tuyên bố bẻ hội, bà T nợ bà B số tiền là 6.500.000 đồng.

Trong ngày 05 tháng 08 năm 2023, bà T tổ chức 03 dây hội khác nhau như trên.

Tổng số tiền hội bà T nợ bà B là 29.500.000 đồng, bà T đã trả cho bà B số tiền là 300.000 đồng, bà B yêu cầu bà T và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền hội còn nợ là 29.200.000 đồng, yêu cầu trả một lần, trong thời gian ngắn.

- Bà Nguyễn Thị X trình bày: Bà X và bà T ở gần nhau, bà T làm chủ hội, bà X có tham gia các dây hội do bà T tổ chức từ năm 2020, đến năm 2024 thì bà T tuyên bố bế hội, bà T còn nợ bà X các dây hội như sau:

+ Dây hội 1: Hội 500.000 đồng/phần, 01 tháng khai hội một lần, hội đầu thảo, hội bắt đầu khai vào ngày 05 tháng 01 năm 2022, hội gồm 32 phần, bà X tham gia 01 phần, bà X đóng hội sống được 30 kỳ, đến kỳ hội thứ 31 thì bà T tuyên bố bế hội, bà T nợ bà X số tiền là 15.000.000 đồng.

+ Dây hội 2: Hội 1.000.000 đồng/phần, 01 tháng khai hội một lần, hội đầu thảo, hội bắt đầu khai vào ngày 05 tháng 6 năm 2023, hội gồm 27 phần, bà X tham gia 01 phần, bà X đóng hội sống được 14 kỳ, đến kỳ hội thứ 15 thì bà T tuyên bố bế hội, bà T nợ bà X số tiền là 14.000.000 đồng.

+ Dây hội 3: Hội 500.000 đồng/phần, 01 tháng khai hội một lần, hội đầu thảo, hội bắt đầu khai vào ngày 05 tháng 8 năm 2023, hội gồm 35 phần, bà X tham gia 01 phần, bà X đóng hội sống được 13 kỳ, đến kỳ hội thứ 14 thì bà T tuyên bố bế hội, bà T nợ bà X số tiền là 6.500.000 đồng.

Tổng số tiền hội bà T nợ bà X là 35.500.000 đồng, bà T đã trả cho bà X số tiền là 1.300.000 đồng, bà X yêu cầu bà T và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà X số tiền hội còn nợ là 34.200.000 đồng, yêu cầu trả một lần, trong thời gian ngắn.

- Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà Đ và bà T ở gần nhau, bà T làm chủ hội, bà Đ có tham gia các dây hội do bà T tổ chức từ lâu, đến năm 2024 thì bà T tuyên bố bế hội, bà T còn nợ bà Đ các dây hội như sau:

+ Dây hội 1: Hội 500.000 đồng/phần, 01 tháng khai hội một lần, hội đầu thảo, hội bắt đầu khai vào ngày 05 tháng 01 năm 2022, hội gồm 34 phần, bà Đ tham gia 01 phần, bà Đ đóng hội sống được 32 kỳ, đến kỳ hội thứ 33 thì bà T tuyên bố bế hội, bà T nợ bà Đ số tiền là 16.000.000 đồng.

+ Dây hội 2: Hội 500.000 đồng/phần, 01 tháng khai hội một lần, hội đầu thảo, hội bắt đầu khai vào ngày 05 tháng 01 năm 2022, hội gồm 34 phần, bà Đ tham gia 01 phần, bà Đ đóng hội sống được 32 kỳ, đến kỳ hội thứ 33 thì bà T tuyên bố bế hội, bà T nợ bà Đ số tiền là 16.000.000 đồng.

+ Dây hội 3: Hội 500.000 đồng/phần, 01 tháng khai hội một lần, hội đầu thảo, hội bắt đầu khai vào ngày 05 tháng 01 năm 2023, hội gồm 34 phần, bà Đ tham gia 01 phần, bà Đ đóng hội sống được 20 kỳ, đến kỳ hội thứ 21 thì bà T tuyên bố bế hội, bà T nợ bà Đ số tiền là 10.000.000 đồng.

+ Dây hụi 4: Hụi 500.000 đồng/phần, 01 tháng khui hụi một lần, hụi đầu thảo, hụi bắt đầu khui vào ngày 05 tháng 8 năm 2023, hụi gồm 35 phần, bà Đ tham gia 01 phần, bà Đ đóng hụi sống được 13 kỳ, đến kỳ hụi thứ 14 thì bà T tuyên bố bế hụi, bà T nợ bà Đ số tiền là 6.500.000 đồng.

+ Dây hụi 5: Hụi 500.000 đồng/phần, 01 tháng khui hụi một lần, hụi đầu thảo, hụi bắt đầu khui vào ngày 05 tháng 8 năm 2023, hụi gồm 35 phần, bà Đ tham gia 01 phần, bà Đ đóng hụi sống được 13 kỳ, đến kỳ hụi thứ 14 thì bà T tuyên bố bế hụi, bà T nợ bà Đ số tiền là 6.500.000 đồng.

+ Dây hụi 6: Hụi 500.000 đồng/phần, 01 tháng khui hụi một lần, hụi đầu thảo, hụi bắt đầu khui vào ngày 05 tháng 12 năm 2023, hụi gồm 33 phần, bà Đ tham gia 01 phần, bà Đ đóng hụi sống được 09 kỳ, đến kỳ hụi thứ 10 thì bà T tuyên bố bế hụi, bà T nợ bà Đ số tiền là 4.500.000 đồng.

Tổng số tiền hụi bà T nợ bà Đ là 59.500.000 đồng, bà T đã trả cho bà Đ số tiền là 1.300.000 đồng, bà Đ yêu cầu bà T và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đ số tiền hụi còn nợ là 58.200.000 đồng, yêu cầu trả một lần, trong thời gian ngắn.

- Bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà Th và bà T ở gần nhau, bà T làm chủ hụi, bà Th có tham gia các dây hụi do bà T tổ chức từ năm 2020, đến năm 2023 thì bà T tuyên bố bế hụi, bà T còn nợ bà Th các dây hụi như sau:

+ Dây hụi 1: Hụi 500.000 đồng/phần, 01 tháng khui hụi một lần, hụi đầu thảo, hụi bắt đầu khui vào ngày 05 tháng 01 năm 2022, hụi gồm 34 phần, bà Th tham gia 01 phần, bà Th đóng hụi sống được 32 kỳ, đến kỳ hụi thứ 33 thì bà T tuyên bố bế hụi, bà T nợ bà Th số tiền là 16.000.000 đồng.

+ Dây hụi 2: Hụi 500.000 đồng/phần, 01 tháng khui hụi một lần, hụi đầu thảo, hụi bắt đầu khui vào ngày 05 tháng 01 năm 2023, hụi gồm 34 phần, bà Th tham gia 01 phần, bà Th đóng hụi sống được 20 kỳ, đến kỳ hụi thứ 21 thì bà T tuyên bố bế hụi, bà T nợ bà Th số tiền là 10.000.000 đồng.

+ Dây hụi 3: Hụi 500.000 đồng/phần, 01 tháng khui hụi một lần, hụi đầu thảo, hụi bắt đầu khui vào ngày 05 tháng 8 năm 2023, hụi gồm 35 phần, bà Th tham gia 01 phần, bà Th đóng hụi sống được 13 kỳ, đến kỳ hụi thứ 14 thì bà T tuyên bố bế hụi, bà T nợ bà Th số tiền là 6.500.000 đồng.

Tổng số tiền hụi bà T nợ bà Th là 32.500.000 đồng, bà T đã trả cho bà Th số tiền là 1.300.000 đồng, bà Th yêu cầu bà T và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Th số tiền hụi còn nợ là 31.200.000 đồng, yêu cầu trả một lần, trong thời gian ngắn.

Bà Nguyễn Thị Thanh T là bị đơn trình bày: Bà T có tổ chức các dây hụi như các nguyên đơn trình bày, bà T còn nợ tiền hụi của các nguyên đơn cụ thể:

- Bà T nợ bà B là 29.200.000 đồng.
- Bà T nợ bà X là 34.200.000 đồng.
- Bà T nợ bà Đ là 58.200.000 đồng.

- Bà T nợ bà Th là 31.200.000 đồng.

Bà T đồng ý trả tiền theo yêu cầu của các nguyên đơn, nhưng hiện nay bà T không có khả năng trả một lần, bà T xin được trả nhiều lần, mỗi tháng bà T trả cho mỗi nguyên đơn số tiền là 300.000 đồng cho đến khi trả xong nợ.

Ông Võ Văn K là bị đơn không tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 5- Tây Ninh tham gia phiên tòa trình bày: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Nội dung: Nguyên đơn cung cấp được chứng cứ chứng minh là bị đơn nợ nguyên đơn tiền hui như nguyên đơn trình bày, bị đơn thừa nhận số nợ trên, các đương sự không thống nhất được phương thức thanh toán nợ, ông Võ Văn K không tham gia tố tụng. Căn cứ các Điều 288, 468, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn kiện bị đơn, tranh chấp hui, bị đơn cư trú tại xã Nhựt Tảo, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Khu vực 5- Tây Ninh thụ lý giải quyết.

[2] Ông Võ Văn K là bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt.

[3] Bà B yêu cầu bà T và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền hui còn nợ là 29.200.000 đồng, yêu cầu trả một lần, trong thời gian ngắn; bà X yêu cầu bà T và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà X số tiền hui còn nợ là 34.200.000 đồng, yêu cầu trả một lần, trong thời gian ngắn; bà Đ yêu cầu bà T và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đ số tiền hui còn nợ là 58.200.000 đồng, yêu cầu trả một lần, trong thời gian ngắn; bà Th yêu cầu bà T và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Th số tiền hui còn nợ là 31.200.000 đồng, yêu cầu trả một lần, trong thời gian ngắn. Bà T là bị đơn thống nhất số nợ như các nguyên đơn trình bày và yêu cầu, không đồng ý trả một lần theo yêu cầu của nguyên đơn. Ông K là chồng bà T, ông K không tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu của các nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy bà T đã vi phạm nghĩa vụ giao tiền hui, yêu cầu của các nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với các Điều 288 và 471 của Bộ luật dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ nên chấp nhận,

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Võ Văn K có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 7.640.000 đồng (bảy triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

4. Nguyên đơn, bị đơn (bà Nguyễn Thị Thanh T) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa (ông Võ Văn K) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân khu vực 5- Tây Ninh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5- Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tùng